

# CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

(3 tiết)

## A. Mục tiêu

### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được các số có ba chữ số gồm số trăm, số chục, số đơn vị; số tròn chục, số tròn trăm.
- Đếm, lập số, đọc, viết, cấu tạo thập phân của các số có ba chữ số.
- Số liền trước, số liền sau, xác định vị trí các số trên tia số.
- Ôn tập xếp hình.

**2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**Phẩm chất:** yêu nước.

## B. Thiết bị dạy học

HS: 2 thẻ trăm, 3 thanh chục và 10 khối lập phương, bộ xếp hình.

GV: 3 thẻ trăm, 10 thanh chục và 20 khối lập phương, bảng số bài luyện tập 1, hình vẽ bài luyện tập 5 và bộ xếp hình.

## C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

### KHỞ ĐỘNG

**Trò chơi: ĐÓ BẠN**

GV đưa số.

HS đọc số, nói cấu tạo số.

(Hoặc ngược lại.)

HS thay nhau điều khiển lớp (hoặc chơi nhóm đôi).

## BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

### 1. Giới thiệu số có ba chữ số

- Đếm, lập số, đọc, viết số, phân tích cấu tạo thập phân của số
- HS (nhóm ba) lấy 2 thẻ trăm và 14 khối lập phương.
  - Đếm số khối lập phương từ 200 (hai trăm, hai trăm linh một, ..., hai trăm mười bốn).
  - Thông báo: Có hai trăm mười bốn khối lập phương.
- HS xếp lại theo các trăm, chục, đơn vị.
  - 1 HS **xếp lại** và **nói**: “Có 2 trăm, 1 chục và 4 đơn vị.”
  - 1 HS **viết số** vào bảng con: “214”.
  - 1 HS **đọc số**: “Hai trăm mười bốn.”

### 2. Thực hành

#### Bài 1: Dùng thể hiện số

- GV hướng dẫn HS thực hiện mẫu:
    - Viết số 358 ra bảng con.
    - Phân tích cấu tạo thập phân của số:  
358 gồm 3 trăm, 5 chục và 8 đơn vị.
    - HS lấy 3 thẻ trăm, 5 thẻ chục và 8 khối lập phương.
    - Kiểm tra ĐDHT theo số ban đầu: 358.
    - HS (nhóm đôi) tự thực hiện theo mẫu với số 275; 330; 404.
- Khi sửa bài, HS giải thích cách làm.

### LUYỆN TẬP

#### Bài 1:

- HS (nhóm bốn) đọc yêu cầu, **nhận biết** nhiệm vụ rồi thảo luận.
- Sửa bài: HS trình bày theo yêu cầu của GV (GV treo bảng số).
- a) GV cho HS **đọc** nối tiếp, mỗi em **đọc** 1 hàng số (10 số).
  - Đọc các số từ 591 đến 640.
  - Đọc các số từ 640 đến 591.
- b) HS đọc các số có số chục là 0: 601; 602; 603; 604; 605; 606; 607; 608; 609.  
Ví dụ: 601 đọc là sáu trăm linh một.
- c) HS đọc các số tròn trăm, tròn chục: 600; 610; 620; 630; 640.  
GV chốt: đếm thêm 10 (có thể sử dụng trong đếm nhanh).
- d) HS đọc các số cách 10 đơn vị với chữ số hàng đơn vị lần lượt là 1; 4; 5.  
Ví dụ: 591 đọc là năm trăm chín mươi một.
- GV nhắc lại cách đọc các số đặc biệt (như: các số có số chục là 0; các số tận cùng là 1; 4; 5).

### **Bài 2:**

– HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **nhận biết**:

- Câu a) các số tròn trăm, đếm thêm trăm (từ 100 đến 1 000).
- Câu b) các số tròn chục, đếm thêm chục (từ 410 đến 500).
- Câu c) các số liên tiếp, đếm thêm 1 (từ 781 đến 785; từ 396 đến 400; từ 801 đến 805).

– Sửa bài, HS đọc **xuôi, ngược** các dãy số vừa hoàn thành và **nói** dãy số được xếp theo thứ tự nào.

### **Bài 3:**

– GV đọc số, HS **viết** số.

– Sửa bài, GV khuyến khích HS đọc số và **nói** phân tích cấu tạo số.

### **Bài 4:**

– HS **quan sát** hình vẽ, GV hỏi để giúp HS biết tên gọi của các con gấu: gấu đen, gấu xám (màu nâu nhưng gọi là gấu xám), gấu trắng, gấu trúc. Những nơi gấu sinh sống: rừng trúc, Bắc cực, rừng nhiệt đới (rừng rậm, um tùm), rừng ôn đới (rừng thưa, có nhiều cây thông).

– **Tìm hiểu**, nhận biết: xác định nơi sống của mỗi con vật (dựa vào tia số), mỗi con vật mang một bảng gợi ý – đó cũng chính là vị trí nơi sinh sống của mỗi con vật.

Bài này nên dựa vào bảng số của các con vật để **viết** số trước, khi có kết quả sẽ tìm nơi sinh sống cho các con vật, tránh bắt HS phải đếm theo từng vạch nhỏ trên tia số.

Lưu ý **HS tìm tổng theo ý nghĩa cấu tạo thập phân của số**.

Ví dụ: Nhà của gấu đen sẽ gắn với vị trí số nào trên tia số?

(404 vì 404 gồm 400 và 4 đơn vị)

Vị trí của số 404 trên tia số sẽ ở trong khoảng giữa của các số nào? (402 và 406)

Gấu đen sống ở đâu? (rừng cây rậm rạp, um tùm)

...

– Sửa bài, GV **khuyến khích** HS **nói** phân tích cấu tạo số.

### **Bài 5:**

HS thảo luận để tìm đúng đường đi cho bạn nhỏ.

– HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **nhận biết**: đi theo thứ tự các **số tròn chục**.

– GV hỏi để HS nhắc lại cách tìm số tròn chục: tìm các số có số đơn vị là số 0.

– Khi sửa bài, GV có thể treo hình vẽ lên bảng lớp, cho HS trình bày. (bạn nhỏ đi từ 200 đến 340)

### **Bài 6:**

– HS thực hiện theo nhóm bốn, xếp hình theo mẫu (có thể tự xếp hình mà em thích).

– Khi sửa bài, GV cho HS giới thiệu về con vật mình xếp, gọi tên các hình được dùng để ghép.

## CỦNG CỐ

Mỗi lần ba bạn thực hiện: đọc số, viết số, phân tích số theo cấu tạo thập phân của số (ba nội dung này, nội dung nào thể hiện trước cũng được).

Ví dụ: Bạn A nói: Số bảy trăm linh năm.

Bạn B viết: 705

Bạn C nói: Số gồm 7 trăm, 0 chục và 5 đơn vị.